

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-12-2022

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Lê Trúc Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lương Công Trứ – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022, về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 29/11/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị T, sinh năm: 1980;

HKTT: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên;

Chỗ ở hiện nay: khu phố N5, phường C, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh C, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Thanh C tự nguyện tìm hiểu và đi

đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 216/2005 ngày 04/02/2005. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C cờ bạc, trai gái, gây nợ nần, không quan T đến gia đình, vợ con. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng nhưng anh C vẫn không thay đổi. Từ năm 2019 đến nay, tôi và anh C đã sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị tòa giải quyết ly hôn.

Về con chung: trong thời gian chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T N – sinh ngày 2006 và Nguyễn Bảo N – sinh năm 2012, hiện nay 02 con chung đang do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, tôi yêu cầu giao con chung cho tôi nuôi dưỡng và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng/2 cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hòa giải được.

* *Tại phiên tòa:* Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với bị đơn. Về con chung, xin nuôi 02 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/con (2.000.000 đồng/tháng/02 con). Về tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn bị đơn. Về con chung: giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi con 1.000.000 đồng/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thanh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Trần Thị T và bị đơn ông Nguyễn Thanh C tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND x A, huyện T vào năm 2005, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày, đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng không được. Xét thấy: Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2019

cho đến nay, không còn ai quan T đến ai, là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc T N, sinh ngày 25/3/2006 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 10/11/2012. Hiện các con đang sống cùng nguyên đơn. Ly hôn, nguyên đơn xin nuôi 02 con là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của con trên 07 tuổi nên chấp nhận; Giao 02 con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con (2.000.000 đồng/tháng/02 con) là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Ông Nguyễn Thanh C phải cấp dưỡng nuôi con con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con (2.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Dương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Nguyễn Thanh C.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc T N, sinh ngày 25/3/2006 và Nguyễn Bảo Nn, sinh ngày 10/11/2012 cho nguyên đơn bà Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh C phải cấp dưỡng nuôi con con mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/01 con (2.000.000 đồng/01 tháng/02 con). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 12/2022 và chấm dứt khi phát sinh một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình. Ông Nguyễn Thanh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Nguyên đơn bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005284 ngày 13/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
 - Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
 - Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
 - Các đương sự;
 - UBND xã A, T;
- (Giấy CNKH số 216, ngày 04/02/2005)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Khắc Hiếu

Lương Công Hạnh

Trần Lê Mai

